TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **40**/2018/HS-ST
Ngày: 06/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phạm Văn Minh, Giám đốc trung tâm văn hóa thể thao huyện Tuy Phong
Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan, Phó chủ tịch hội nông dân huyện Tuy Phong
- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ, Thư ký tòa án huyện Tuy Phong
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Điền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/HSST, ngày 06/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoàn phiên tòa sô 03/2018/HSST-QĐ ngày 18/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn XG,** sinh năm 1991, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: thôn TL, xã CC, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C và bà Lê Thị MT; có vợ: Phạm Thị Thu Ngân và 02 người con, lớn nhất (sinh năm: 2013), nhỏ nhất (sinh năm: 2015); Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 05.01.2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Tuy Phong. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn XT**, (tên gọi khác: M), sinh năm 1994 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: thôn TL, xã CC, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C và bà Lê Thị MT; có vợ: Dương BP và 01 người con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị bắt, hiện đang tại ngoại ở thôn TL, xã CC, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

- *Bị hại*: Công ty xây dựng cơ bản RĐ

Trụ sở chính: J45 TĐT, Phường XA, T phố PT, Bình Thuận

Đại diện theo pháp luật: Bà Trịnh Thị PH

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại*: ông Trần Chí C, sinh năm 1981

Nơi cư trú: 50C1, khu phố 2, Phường 8, T phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn Thanh Tân, xã CC, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 27.12.2017 Nguyễn XT đi ngang qua khu vực Gành Rái thuộc thôn HT1, xã CC, huyện P nhìn thấy công trình thi công san lấp mặt bằng của công ty xây dựng cơ bản RĐ nên đi về nhà của T ở thôn TL, xã CC, huyện P gặp Nguyễn XG (anh ruột của T) kể lại choG biết. Khi nghe T nói,G nảy sinh ý định đến công trình đặt vấn đề bảo kê trông coi công trình để lấy tiền hàng tháng.G nói với T: "đểG trực tiếp ra đặt vấn đề với công ty". Đến khoảng 11 giờ ngày 27.12.2017G đi đến công trình thi công san lấp mặt bằng của công ty RĐ ở thôn HT1, xã CC, huyện P gặp Trần Chí C là quản lý công trình cho công ty RĐ,G đặt vấn đề yêu cầu C đưa tiền bảo kê công trường hàng tháng, C nói: "để xin ý kiến của lãnh đạo công ty". Đến khoảng 13 giờ cùng ngày C hẹn G đến quán Hương Biển ở thôn HT1, xã CC, huyện P để trao đổi về vấn đề G yêu cầu,G rủ người tên H (không rõ lai lịch) ở thị trấn C đi đến quán Hương Biển gặp C, H không biết G đi gặp C để thỏa thuận về vấn đề bảo kê công trình nên đồng ý.G yêu cầu C phải đưa choG 30.000.000 đồng/tháng tiền bảo kê công trường, C nói vớiG: "để về xin ý kiến của lãnh đạo công ty mới trả lời được",G nói với C: "nếu mấy anh không giải quyết ổn thỏa thì đảm bảo mấy anh sẽ không xây được viên gạch nào". C điện thoại cho Nguyễn Hoàng T là (phó tổng giám đốc công ty xây dựng cơ bản RĐ) báo cáo lại sự việcG đặt vấn đề bảo kê công trình 30.000.000 đồng/tháng. Vì lo sợ ảnh hưởng đến tiến độ công trình và thiệt hại tài sản ngày 29.12.2017 T bảo C nói vớiG công ty chỉ đồng ý 6.000.000/tháng, C điện thoại choG nói: "công ty RĐ chỉ đồng ý trả cho G 6.000.000 đồng/tháng",G nói: "anh giỡn mặt với tôi hả, sáu triệu không đủ tui uống cà phê, mỗi tháng 20.000.000 đồng, làm được thì làm". Đến chiều ngày 02.01.2018G gặp T tại nhà củaG ở thôn TL, xã CC, huyện P thì G kể lại toàn bộ sự việc đi ra công trình gặp C để đặt vấn đề bảo kê công trình cho T nghe,G nói: "anh đã ra gặp anh C rồi, thấy có khả thi, anh em ra làm liều lấy tiền trang trải cuộc sống".G đưa số điện thoại của C cho T và nói: "ngày mai ra gặp C và chốt giá tiền bảo kê hàng tháng là 20.000.000 đồng", T đồng ý. Sáng ngày 03.01.2018 T điện thoại cho C và hẹn gặp C tại quán cafe Star ở thị trấn LH. T rủ Nguyễn Văn S (bạn của T) đi đến thị trấn LH để uống cà phê mục đích là để đi

gặp C, S không biết T rủ S đi gặp C để thỏa thuận giá tiền bảo kê công trình nên đồng ý. Tại quán cà phê Star T nói với C: " anh G nói giá bảo kê hàng tháng là 20.000.000 đồng", C nói với T: "để về xin ý kiến của lãnh đạo công ty". Tiếp tục vào chiều ngày 04.01.2018 G điện thoại cho C hối thúc C đồng ý thỏa thuận giá bảo kê công trình 20.000.000 đồng/tháng và hẹn C sáng ngày 05.01.2018 gặpG. C điện thoại cho T báo cáo cho T biết G yêu cầu 20.000.000 đồng/tháng. Đến chiều ngày 04.01.2018 thấy G liên tục gây áp lực uy hiếp tinh thần và để công trình thi công đúng tiến độ nên công ty xây dựng cơ bản RĐ đồng ý thỏa thuận đưa cho G số tiền 20.000.000 đồng/tháng và đưa cho C 20.000.000 đồng thay mặt công ty để giao cho G. C điện thoại hẹn G đến quán Hương Biển thuộc thôn HT1, xã CC, P để giao tiền, G đồng ý. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 05.01.2018 C đưa 20.000.0000 đồng cho G,G ghi giấy nhận tiền và cầm tiền trên tay để đếm thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tuy Phong phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên tay Nguyễn XG 100 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, Imel 1: 354942078174161, Imel 2: 354942078174179, Trần Chí C giao nộp 01 mãnh giấy kích thước 12 x 15 cm có ghi dòng chữ "em G có nhận tiền bảo vệ công trình cho bên RĐ 20.000.000 đồng".

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 23/CT-VKS-TP ngày 06.4.2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn XG và Nguyễn XT phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn XG mức án từ **15** đến **18** tháng tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Nguyễn XT mức án từ **12** đến **15** tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn XG và Nguyễn XT đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 23/CT-VKS-TP ngày 06.4.2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Các bị cáo khẳng định những lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, các bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận vào khoảng hơn 10 giờ 30 phút ngày 05.01.2018 tại thôn HT1, xã CC, huyện P, các bị cáo Nguyễn XG và Nguyễn XT đã trực tiếp dùng lời nói đe dọa và uy hiếp tinh thần đối với Trần Chí C (là người đại diện quản lý công trình của công ty xây dựng cơ bản RĐ) buộc công ty xây dựng cơ bản RĐ phải đưa tiền cho G và T để bảo kê công trình thi công nhằm chiếm đoạt tài sản tiêu xài. Công ty xây dựng cơ bản RĐ do lo sợ và sợ ảnh hưởng đến tiến độ thi công san lấp mặt bằng và thiệt hại tài sản nên đã đưa cho G và T 20.000.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vì vậy, Cáo trạng số Cáo trạng số 23/CT-VKS-TP ngày 06.4.2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố các bị cáo Nguyễn XG và Nguyễn XT về tội "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Các bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận biết được hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nH vì bản tính tham lam muốn có tiền tiêu xài nH không phải lao động các bị cáo đã dùng lời nói để đe dọa, uy hiếp tinh thần của bị hại làm cho bị hại lo sợ buộc phải đồng ý giao cho các bị cáo số tiền 20.000.000 đồng thì bị bắt quả tang. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiệm trọng, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của các bị cáo đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư phát triển kinh tế của huyện nhà nên cần phải tuyên phạt các bị cáo bằng một mức án đủ để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo G và T

đã thống nhất ý chí cùng thực hiện hành vi uy hiếp tinh thần để buộc bị hại phải giao tài sản nên phải chịu trách nhiệm hình sự chung đối với toàn bộ hành vi và hậu quả xảy ra. Tuy nhiên, trong vụ án này bị cáo G là người khởi xướng, rủ rê bị cáo T và là người trực tiếp dùng những lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần đối với bị hại cũng như là người trực tiếp đến nhận tiền từ bị hại, bị hại T là người giúp sức nH có vai trò không đáng kể. Do đó, cần phải xử lý bị cáo G bằng một mức án nghiêm khắc hơn so với bị cáo T với vai trò là giúp sức thứ yếu.

Riêng đối với Nguyễn Văn S đã cùng đi với T để gặp Trần Chí C tại quán cà phê ở thị trấn LH và người tên H ở thị trấn C cùng đi với G đến gặp C vào ngày 27.12.2017. Do S và H không biết mục đích của T và G gặp C để thỏa thuận giá tiền bảo kê công trình nên không xem xét xử lý.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, nhân T các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị hại đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Riêng bị cáo T là đồng phạm nhưng có vai trò thứ yếu, phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng thêm một tình tiết giảm nhẹ "ăn năn hối cải" quy định tại điểm s Điều 51. Bị cáo T có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 54 bộ luật hình sự nên áp dụng để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân T của các bị cáo thấy rằng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo trở T người có ích cho xã hội.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn XG là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo. Tuy nhiên, với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn XT Hội đồng xét xử nhận thấy không thể tuyên phạt cho bị cáo mức án treo từ 12 đến 15 tháng tù như đề nghị của Viện kiểm sát mà cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe và giáo dục bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 20.000.000 đồng cho bị hại; đã chuyển vào kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, Imel 1: 354942078174161, Imel 2: 354942078174179 là công cụ dùng để phạm tội là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn XG và Nguyễn XT phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: bị cáo Nguyễn XG **15(mười lăm)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 05.01.2018

Áp dụng: Khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: bị cáo Nguyễn XT **09 (chín)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

[2] Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Itel, màu đen, Imel 1: 354942078174161, Imel 2: 354942078174179

[3] Về án phí: Các bị cáo mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các bị cáo. Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Bị cáo, bị hại;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Trí